



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**THERĪGĀTHĀPĀḶI**

**&**

**TẠNG KINH - TIỂU BỘ**

**TRƯỜNG LÃO NI KỆ**

## 11. DVĀDASANIPĀTO

### 64.

224. Ubho mātā ca dhītā ca mayam āsum<sup>1</sup> sapattiyo,  
tassā me ahū saṃvego abbhuto<sup>2</sup> lomahaṃsano.
225. Dhiratthu kāmā asucī duggandhā bahukaṇṭakā,  
yattha mātā ca dhītā ca sabharyā mayam ahuṃ.
226. Kāmesvādīnavam disvā nekkhammam daṭṭhukhemato,<sup>3</sup>  
sā pabbajī<sup>4</sup> rājagahe agārasmānagāriyam.
227. Pubbenivāsam jānāmi dibbacakkhum visodhitam,  
cetopariccañāṇaṅca<sup>5</sup> sotadhātu visodhitā.
228. Iddhīpi me sacchikatā patto me āsavakkhayo,  
chaḷabhiññā<sup>6</sup> sacchikatā kataṃ buddhassa sāsanaṃ.
229. Iddhiyā abhinimmitvā caturassaratham<sup>7</sup> aham,  
buddhassa pāde vanditvā lokanāthassa tādino.<sup>8</sup>
230. Supupphitaggaṃ upagamma pādapaṃ ekā tuvaṃ tiṭṭhasi sālāmūle,<sup>9</sup>  
na cāpi te dutiyo atthi koci na tvaṃ bāle bhāyasi dhuttakānaṃ.
231. Sataṃ sahasānapi<sup>10</sup> dhuttakānaṃ samāgatā edisakā bhavyeyyūṃ,  
lomaṃ na iñje napi sampavedhe kiṃ me tvaṃ māra karissaseko.
232. Esā antaradhāyāmi kucchiṃ vā pavisāmi te,  
bhamukantare vā<sup>11</sup> tiṭṭhāmi tiṭṭhantiṃ maṃ na dakkhasi.<sup>12</sup>
233. Cittamhi vasībhūtāhaṃ iddhipādā subhāvītā,  
cha me abhiññā<sup>13</sup> sacchikatā kataṃ buddhassa sāsanaṃ.
234. Sattisūlūpamā kāmā khandhāsaṃ adhikuṭṭanā,  
yaṃ tvaṃ kāmaratiṃ brūsi aratīdāni sā mama.
235. Sabbattha vihatā nandī tamokkhandho padālito,  
evaṃ jānāhi pāpima nihato tvamasi antakā ”ti.

Itthaṃ sudaṃ uppalavaṇṇā therī gāthāyo abhāsī ”ti.

**Uppalavaṇṇātherīgāthā.**

**Dvādasanipāto niṭṭhito.**

--ooOoo--

<sup>1</sup> āhuṃ - Sīmu 1, 2.

<sup>2</sup> abbhuto - Syā.

<sup>3</sup> daḷhakkhemato - PTS.

<sup>4</sup> pabbajim - Ma, Syā, PTS.

<sup>5</sup> cetopariyañāṇaṅca - Syā.

<sup>6</sup> cha me abhiññā - Syā, PTS.

<sup>7</sup> caturassaṃ ratham - Ma, Syā, PTS.

<sup>8</sup> sirimato - Syā, PTS.

<sup>9</sup> rukkhamūle - Syā, PTS.

<sup>10</sup> sahasānapi - Ma; sahasānampi - Syā, PTS.

<sup>11</sup> vā - itisaddo Ma, Syā, PTS potthakesu natthi.

<sup>12</sup> dakkhisi - PTS.

<sup>13</sup> chaḷabhiññā - Ma.

## 11. NHÓM MƯỜI HAI

### 64.

224. “Cả hai chúng tôi, mẹ và con gái, đã có chung chồng. Tôi đây đã có sự chấn động, kỳ lạ, có sự nổi da gà.

225. Thật ghê tởm, các dục là không trong sạch, có mùi khó chịu, có nhiều phiền toái, là ở trường hợp chúng tôi, mẹ và con gái, đã là những người vợ có chung chồng.

226. Sau khi nhìn thấy sự bất lợi của các dục, sau khi nhận thấy sự xuất ly là an toàn, tôi đây đã xuất gia, rời nhà sống không nhà,

227. Tôi biết được đời sống trong thời quá khứ, thiên nhãn đã được trong sạch, trí biết được tâm của người khác, và nhĩ giới đã được trong sạch.

228. Thần thông cũng đã được tôi chứng ngộ, sự cạn kiệt của các lậu hoặc đã được tôi đạt đến, sáu Thắng Trí đã được chứng ngộ, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.<sup>1</sup>

229. Sau khi đã hóa hiện ra chiếc xe kéo bốn ngựa bằng thần thông, tôi đã đánh lễ hai bàn chân của đức Phật, đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy.

230. ‘Sau khi đi đến thân cây đã khéo trở hoa ở trên ngọn, nàng đứng ở gốc cây *sālā*, một mình, và nàng cũng không có người bạn đồng hành nào. Này nàng trẻ tuổi, nàng không sợ hãi bọn người vô lại sao?’<sup>2</sup>

231. ‘Cho đâu một trăm ngàn kẻ vô lại như người có thể tụ tập lại, ta vẫn không nhúc nhích sợi lông, cũng không run rẩy. Này Ma Vương, một mình người thì sẽ làm gì ta?’

232. Ta đây sẽ biến mất, hoặc sẽ đi vào bụng của người, hoặc sẽ đứng ở giữa các lông mày (của người), người sẽ không nhìn thấy ta đang đứng (ở đó).

233. Ta có được năng lực về tâm, các nền tảng của thần thông đã khéo được tu tập, sáu Thắng Trí đã được ta chứng ngộ, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

234. Các dục như là gươm giáo, các uẩn như là cái thớt của chúng. Điều người gọi là sự thích thú trong các dục, điều ấy giờ đây là sự không thích thú đối với ta.<sup>3</sup>

235. Sự vui thích đã được phá hủy ở tất cả các nơi. Khối đồng tâm tối (vô minh) đã được phá tan. Này Ác Nhân, người hãy biết như thế. Này Tử Thần, người đã bị đánh bại.”

Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā đã nói những lời kệ như thế.

**Kệ ngôn của trưởng lão ni Uppalavaṇṇā.**

**Nhóm Mười Hai được chấm dứt.**

--ooOoo--

<sup>1</sup> Hai câu kệ 227, 228 tương tự như nửa sau của câu kệ 70 và câu kệ 71.

<sup>2</sup> Chú Giải cho biết rằng lời nói này là của Ma Vương (ThigA, 191).

<sup>3</sup> Hai câu kệ 234, 235 giống hai câu kệ 58, 59.